TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Tổ 12 ấp N, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 312 ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H và anh P có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017, Biên bản hòa giải ngày 02/8/2017 và tại phiên tòa chị H trình bày:

Chị H và anh P chung sống với nhau năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhiều lần dẫn đến xung đột gia đình, anh P thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập và không quan tâm vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh P. Quá trình chung sống có 02 con chung tên là Tạ Thị Mộng K, sinh 23/5/1996 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết và con tên Tạ Thị Ái M, sinh ngày 16/01/2008 hiện nay đang sống với chị H từ khi vợ chồng xa nhau đến nay, chị H yêu cầu được nuôi con tên mi không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản hòa giải ngày 02/8/2017 và Tại phiên tòa anh P trình bày: Anh P thống nhất với chị H về thời gian chung sống, con chung. Nay anh P đồng ý ly hôn, anh P đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con Tạ Thị Ái M sinh ngày 16/01/2008, con tên Tạ Thị Mộng K sinh ngày 23/5/1996 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra Tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị H xin ly hôn với anh P đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý.

Tuy nhiên, tại khoản 1 điều 9 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về giải quyết hậu quả của việt nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật ngày chung sống với nhau Như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Từ điều luật trên, xét sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị H và anh P là không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, chị H và anh P chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ và Tại phiên tòa Chị H và anh P thống nhất 02 con chung tên Tạ Thị Mộng K sinh ngày 23/5/1996 đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết và con chung tên Tạ Thị Ái M, sinh ngày 16/01/2008 hiện nay đang sống với chị H. Chị H và anh P thống nhất Chị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Xét sự tự nguyện thỏa thuận là phù hợp quy định của pháp luật.

Anh P không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở theo quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị H xin ly hôn, anh P đồng ý nên mỗi bên phải chịu một nửa mức án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H tự nguyện nộp đủ, xét sự tự nguyện này là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Tạ Văn P là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

Chị Trần Thị Mỹ H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tạ Thị Ái M, sinh ngày 16/01/2008 chị Trần Thị Mỹ H không yêu cầu anh Tạ Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tạ Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Trần Thị Mỹ H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Tạ Văn P thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Mỹ H tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16536 ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên